

Bản án số: 80/2022/HS-PT

Ngày 12 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái;

Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2022/TLPT- HS ngày 09 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo Trần Hoàng A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Hoàng A, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1994; nơi sinh và nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình D và bà Trần Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 10 năm 2021 đến nay, “có mặt”.

2. Trần Minh T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1993; nơi sinh và nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Ngày 08/11/2021 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B, Vĩnh Phúc có Quyết định số 27-QĐ/UBKT đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Trần Minh T kể từ ngày 08/11/2021); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Minh V và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Phạm Thị Thảo V1, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Hoạt động bản thân: Bị cáo tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân từ ngày

06/9/2011 đến ngày 06/9/2014. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 10 năm 2021 đến nay, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng A: Ông Tạ Duy T1 và Bùi Quốc H Luật sư Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn B, thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội “có mặt”.

Địa chỉ: Số 166 phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Dương T D1, Nguyễn Viết H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h ngày 12/10/2021, Trần Hoàng A đến khu công nghiệp B gặp và rủ Trần Minh T đi hát karaoke và sử dụng ma túy, T đồng ý và hẹn Trần Hoàng A đến tối cùng ngày. Đến khoảng 20h, Hoàng A gọi điện rủ bạn là Lê Thanh H2 hiện đang thuê trọ tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đến quán karaoke U' để hát karaoke, H2 đồng ý. Đến khoảng 22h30 cùng ngày, T đi taxi đến nhà nghỉ đón Hoàng A. T nói với Hoàng A việc T rủ thêm Nguyễn T T1 cùng đi sử dụng ma túy thì Hoàng A đồng ý. Cả hai đi đến cổng khu công nghiệp B đón T1 thì gặp T1 và Dương T D1. T1 và D1 lên xe taxi cùng Hoàng A, T đi đến quán karaoke U' ở thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để hát karaoke và sử dụng ma túy. Trên đường đi, Hoàng A bảo T mua 1,5 chỉ ma túy “ke” và 05 viên ma túy “kẹo” để sử dụng thì T sử dụng điện thoại di động Iphone X lắp số sim 0931681993 gọi đến số điện thoại 0858599595 của Nguyễn Viết H1 (đang thuê trọ tại Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc) hỏi mua của H1 1,5 chỉ ma túy “ke” và 05 viên ma túy “kẹo”. H1 đồng ý bán ma túy và báo giá cho T hết 7.500.000 đồng rồi T nói lại với Hoàng A thì Hoàng A sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy A30S chuyển 7.500.000 đồng từ tài khoản số 0351000969872 của Hoàng A mở tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đến tài khoản số 105854358888 của Trần Minh T mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để T trả tiền mua ma túy. Nhận được tiền, T chuyển khoản 6.100.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của T đến tài khoản số 0858599595 của Nguyễn Viết H1 mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội trả tiền mua ma túy, số tiền 1.400.000 đồng T nợ lại H1. T yêu cầu H1 mang ma túy đến quán karaoke U' giao cho T. Khoảng 22h50, Hoàng A, T, T1, D1 đến thuê phòng hát và gọi nhân viên tại quán karaoke U' thì được anh Lương Văn N (là quản lý quán) sắp xếp hát tại phòng Vip 1 tầng 2 và điều 05 nhân viên nữ gồm: Lò Thị N1, Hoàng Thị Kiều N2 Hoàng Thị T3, Văn Thị Q, Bùi Thị U vào phòng hát Vip 1 phục vụ

nhóm của Hoàng A. Khoảng 15 phút sau, Lê Thanh H2 đến quán karaoke Thiên Đường thì gặp T và được T đưa vào phòng Vip 1. Sau đó, T gọi điện thoại bảo H1 mang ma túy đến phòng Vip 1 quán karaoke U. Trong lúc đợi ma túy thì do phòng hát chật và chất lượng âm thanh kém nên D1 tìm gặp nhân viên phục vụ là Nguyễn Văn X yêu cầu đổi phòng khác, X nói với D1 đợi để X sắp xếp phòng, D1 quay trở lại phòng Vip 1 nói với Hoàng A việc D1 đổi phòng khác để sử dụng ma túy. Khoảng 10 phút sau, H1 mang ma túy đến cửa phòng hát Vip 1 quán karaoke U, T gặp H1 nhận ma túy và nói với H1: “Số tiền mua ma túy còn thiếu mày cho tao nợ, tao trả sau”, H1 đồng ý. T mang số ma túy mua được gồm 02 gói ma túy ke và 05 viên ma túy kẹo đưa cho Hoàng A thì Hoàng A đưa cho D1 cầm toàn bộ số ma túy trên và bảo D1 chia cho mọi người cùng sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/10/2021, cả nhóm được anh X đưa lên phòng VIP7 tầng 4. Tại phòng VIP7 lúc này có 10 người gồm T, T1, D1, Hoàng A, H2, U, Q, T3, N2, N1 thì D1 bẻ 05 viên ma túy kẹo thành 10 phần rồi chia cho mỗi người một nửa viên để sử dụng thì 8/10 đã sử dụng còn N1 không sử dụng ma túy nên rời khỏi phòng Vip 7, Văn Thị Q cầm ma túy mang vào nhà vệ sinh vứt xuống bồn cầu và xả nước. Sau khi sử dụng xong ma túy kẹo, D1 đưa cho T hai gói ma túy “ke”. T yêu cầu nhân viên Hoàng Thị T3 ra ngoài lấy cho T một chiếc đĩa sứ (không nói mục đích để làm gì) rồi T đổ toàn bộ số ma túy “ke” ra đĩa sứ và dùng bật lửa đốt giấy ăn hơi nóng đáy đĩa khoảng 3-5 phút để làm chảy ma túy ke. Hoàng A đưa cho T 01 thẻ ATM (thẻ ngân hàng) bên ngoài in dòng chữ TRAN HOANG A và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng để T chế độ cụ “xào ke”, ông hút sử dụng ma túy “ke”. T tiến hành xào ma túy ke và đang sử dụng thì bị Công an huyện B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: chất bột màu trắng trên đĩa sứ; 01 đĩa sứ trắng trên bề mặt bám dính chất bột màu trắng; 01 thẻ ngân hàng ATM ghi TRAN HOANG A; 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng được cuộn tròn hai đầu được bọc vỏ điều thuốc lá; 02 túi nilon trong suốt bên trong có bám dính các chất bột màu trắng; 02 bật lửa nhãn hiệu H-VIET; các mảnh giấy bị cháy. Ngoài ra còn tạm giữ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30S của Trần Hoàng A; 01 điện thoại di động Iphone X của Trần Minh T; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng của Dương T D1; 01 điện thoại di động Iphone XS của Lê Thanh H2; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax của Nguyễn T T1; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng của Lương Văn N1; 01 điện thoại di động OPPO Reno5 của Hoàng Thị Kiều N2; 01 điện thoại di động Iphone 6S plus của Bùi Thị U; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51 của Hoàng Thị T3 và 01 điện thoại di động Iphone của Lò Thị N2.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của Nguyễn Viết H1 ở TDP C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, thu giữ 01 túi nilon trong

suốt kích thước (2,5x5) cm bị gấp nhàu, bên trong có bám dính các chất bột màu trắng nghi là ma túy. Ngoài ra, tạm giữ của Nguyễn Viết H1 02 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu xanh và màu trắng để phục vụ điều tra.

Tại Cơ quan điều tra Trần Hoàng A, Trần Minh T và Dương T D1 đã thành khẩn khai nhận rõ toàn bộ hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như nội dung nêu trên. Nguyễn Viết H1 khai nhận: Ngày 10/10/2021, H1 một mình đi đến khu vực bến xe ô tô ở phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc gặp và mua của một nam giới khoảng 30 tuổi, không rõ lai lịch hai gói ma túy “ke” và 06 viên ma túy kẹo với giá 5.000.000 đồng, mục đích để về sử dụng và bán kiếm lời. H1 mang số ma túy mua được về phòng trọ ở TDP C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng hết khoảng ½ túi ma túy “ke” và 01 viên ma túy “kẹo”. Số ma túy còn lại khoảng 22h30 ngày 12/10/2021, H1 nhận được điện thoại của Trần Minh T hỏi mua của H1 1,5 chỉ ma túy ke và 05 viên ma túy kẹo, H1 đồng ý và bán cho T như nội dung nêu trên.

Cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra Lệnh phong tỏa số 06, 07 ngày 03/12/2021 phong tỏa số tiền 6.100.000 đồng trong tài khoản số 0858599595 tại ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc của Nguyễn Viết H1 và phong tỏa số tiền 1.400.000 đồng trong tài khoản số 105854358888 tại ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh B của Trần Minh T.

Các kết luận trưng cầu giám định: Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chất ma túy đối với các mẫu vật đã thu giữ, kết quả:

Kết luận giám định số 2668, 2671, 2672 cùng ngày 17/10/2021 kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt thẻ cứng màu xám mang tên TRAN HOANG A; Chất bột màu trắng bám dính ở mặt trong ống hút được làm bằng tờ tiền dạng tiền mệnh giá 100.000 đồng; Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt đĩa sứ màu trắng gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine.

Kết luận giám định số 2669/KLGD ngày 17/10/2021 kết luận: Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 (thu giữ trong lòng đĩa trắng sứ), gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2369g, không kể bao bì, loại Ketamine, hoàn lại 0,1941g cùng toàn bộ bao gói.

Kết luận giám định số 2686A/KLGD ngày 17/10/2021 kết luận: Chất bột màu trắng bám dính bên trong 02 túi nilon của mẫu ký hiệu A5 (thu tại hiện trường), gửi giám định đều là ma túy, loại MDMA và Ketamine.

Kết luận giám định số 3219/KLGD ngày 12/12/2021 kết luận: Chất bột màu trắng bám dính bên trong túi nilon của mẫu gửi giám định ký hiệu A18 (thu tại phòng trọ của H1) là ma túy, loại Ketamine .

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của Trần Hoàng A, Trần Minh T, Dương T D1, Nguyễn T T1, Lê Thanh H2, Bùi Thị U, Văn Thị Q, Hoàng Thị Kiều N2, Hoàng Thị T3, Lò Thị N1, Nguyễn Viết H1, Lường Văn N3 và trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chất ma túy.

Tại các Kết luận số 2676, 2677, 2687B cùng ngày 17/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu của Lê Thanh H2, Nguyễn Viết H1 và Trần Minh T.

Các Kết luận số 2673, 2674, 2675 cùng ngày 17/10/2021, các kết luận số 2687A, 2689, 2690 cùng ngày 19/10/2020 kết luận: tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu nước tiểu của Trần Hoàng A, Nguyễn T T1, Dương T D1, Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Kiều N2, Bùi Thị U.

Kết luận số 2670 ngày 19/10/2021, kết luận: Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Văn Thị Q.

Kết luận số 2688 ngày 18/10/2021, kết luận số 2701 ngày 21/10/2021, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong 02 mẫu nước tiểu của Lò Thị N1 và Lường Văn N3. Sau giám định phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn trả 12 chai nhựa và toàn bộ bao gói sau giám định.

Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

01 mẫu trả sau giám định gồm 0,1941g ma túy ketamine cùng toàn bộ bao gói, 01 chiếc đĩa sứ trắng, 01 thẻ nhựa ngân hàng ATM có dòng chữ TRAN HOANG A, 02 túi nilon trong suốt, 02 bật lửa nhãn hiệu H-VIET, các mảnh giấy bị cháy, 01 túi nilon trong suốt (2,5x5)cm bị gấp nhàu, 12 chai nhựa mẫu trả sau giám định nước tiểu cùng toàn bộ bao gói. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của Trần Hoàng A đưa cho Trần Minh T là công cụ sử dụng ma túy “ke”.

01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu xanh của Nguyễn Viết H1, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30S của Trần Hoàng A, 01 điện thoại di động Iphone X của Trần Minh T quá trình điều tra xác định sử dụng để liên lạc, chuyển tiền mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng của Dương T D1, quá trình điều tra xác định D1 không sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội.

01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng thu của Nguyễn Viết H1. Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Hương G- SN: 1994, HKTT: TDP L - H - B - Vĩnh Phúc (vợ của H1) là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/10/2021,

H1 không sử dụng chiếc điện thoại này liên quan đến hành vi phạm tội, chị G không biết việc H1 có hành vi bán trái phép chất ma túy.

01 điện thoại di động Iphone XS của Lê Thanh H2; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng của Lường Văn N3; 01 điện thoại di động OPPO Reno5 của Hoàng Thị Kiều N1; 01 điện thoại di động Iphone 6S plus của Bùi Thị U; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51 của Hoàng Thị T3 và 01 điện thoại di động Iphone của Lò Thị N2. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không sử dụng các điện thoại trên liên quan đến vụ án.

01 điện thoại di động Iphone 12 Promax của Nguyễn T T1, Quá trình điều tra xác định T1 không sử dụng điện thoại trên liên quan đến vụ án, ngày 05/3/2022 T1 có đơn xin nhận lại tài sản nên Viện kiểm sát đã trả lại cho T1. Sau khi nhận lại tài sản anh T1 không có ý kiến gì.

Trong vụ án này còn có: Nguyễn T T1, Lê Thanh H2, Bùi Thị Uyên, Hoàng Thị Kiều N2, Hoàng Thị T3, Văn Thị Q có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP7 của quán karaoke U vào ngày 13/10/2021. Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Bùi Thị L1 và anh Lê Văn Đ là chủ cơ sở kinh doanh karaoke U. Quá trình điều tra, xác định ngày 12/10/2021, anh Đ và chị L1 không biết các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke U nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, anh Đ và chị L1 đã vi phạm Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 12/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc áp dụng một số biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới và để xảy ra việc các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke U. Ngày 22/11/2021, Chủ tịch UBND huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3503/QĐ-XPVPHC đối với chị Bùi Thị L1 và anh Lê Văn Đ.

Đối với anh Lường Văn N3 và anh Nguyễn Văn X là người được anh Lê Văn Đ thuê làm nhân viên quản lý và nhân viên phục vụ tại quán karaoke U. Quá trình điều tra xác định anh N3 và anh X không biết, không có hành vi giúp sức liên quan việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng Hoàng Thị T3 ngày 12/10/2021 T3 được Trần Minh T yêu cầu lấy 01 đĩa sứ để làm công cụ sử dụng ma túy nH2 T không nói mục đích lấy đĩa làm gì, bản thân T3 không biết việc T yêu cầu lấy đĩa để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy cho Nguyễn Viết H1 vào ngày 10/10/2021 ở khu vực bến xe ô tô ở phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá

trình điều tra xác định H1 không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của đối tượng do vậy không có cơ sở để xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng A, Trần Minh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2021.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 06/7/2022 bị cáo Trần Hoàng A có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/7/2022 bị cáo Trần Minh T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hoàng A và Trần Minh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 07 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2021.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2021.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng A phát biểu lời bào chữa: Bị cáo Trần Hoàng A tuổi đời còn trẻ, chưa có vợ con, trước khi phạm tội chấp

hành tốt pháp luật, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bố bị cáo là ông Trần Đình D có thời gian phục vụ trong quân đội, được tặng thưởng huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang (Sau khi xét xử sơ thẩm, bố mẹ bị cáo đã nộp đơn xin giảm nhẹ hình phạt, quyết định ra quân của ông D1, bản tự khai đề nghị huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang của ông D1) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ, xử bị cáo dưới khung hình phạt bị truy tố cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22h30 ngày 12/10/2021 Trần Hoàng A rủ Trần Minh T và Lê Thanh H2, T rủ thêm Nguyễn T T1, cùng đi với T1 có Dương T D1 đến quán Karaoke U ở thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để hát karaoke và sử dụng ma túy, tất cả đồng ý. Sau đó, Hoàng A chuyển qua tài khoản cho T 7.500.000 đồng bảo T mua 1,5 chỉ ma túy ketamin và 05 viên ma túy tổng hợp (gọi là kẹo). T nhận tiền và gọi điện mua được của Nguyễn Viết H1 1,5 chỉ ma túy ketamin và 05 viên ma túy tổng hợp với giá 7.500.000 đồng, T chuyển qua tài khoản cho H1 6.100.000 đồng còn nợ lại H1 1.400.000 đồng.

Mua được ma túy, tại phòng hát VIP7 tầng 4 quán Karaoke U, Hoàng A đưa toàn bộ số ma túy cho D1. Lúc này phòng hát có 10 người gồm: Hoàng A, T, D1, T1, H2 và Bùi Thị U, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2006 (15 tuổi 02 tháng 29 ngày), Văn Thị Q, Hoàng Thị Kiều N2, Hoàng Thị T3, Lò Thị N1 (đều là nhân viên phục vụ quán hát). D1 bẻ 5 viên ma túy tổng hợp thành 10 phần chia cho mỗi người một phần để sử dụng, trong đó có Lò Thị N1 và Văn Thị Q không sử dụng. Sau đó, D1 đưa 02 gói ma túy ketamin cho T để T sào ke và làm ống hút để mọi người sử dụng. Khi các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an huyện B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Hoàng A và Trần Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Trần Hoàng A và Trần Minh T thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem

xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo (bị cáo T đã tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) xử phạt Trần Hoàng A 07 năm 03 tháng tù, Trần Minh T 07 năm tù là hoàn toàn đúng qui định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Luật sư nộp đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bố mẹ bị cáo Hoàng A và nộp 01 quyết định ra quân của bố bị cáo Hoàng A là ông Trần Đình D, 01 bản tự khai đề nghị huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang của ông D1 và cho rằng ông Trần Đình D có thời gian phục vụ trong quân đội, được tặng thưởng huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Hoàng A theo qui định tại điểm x khoản 1 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng A. Hội đồng xét xử thấy rằng ông D1 phục vụ trong quân đội NH2 chưa xuất trình được Huân, huy chương mà chỉ nộp được bản tự khai đề nghị được tặng Huân, huy chương, hơn nữa tại phiên tòa bị cáo Hoàng A cũng trình bày chưa bao giờ nhìn thấy Huân, huy chương của ông D1 nên chưa có cơ sở pháp lý để khẳng định ông D1 được Nhà nước tặng huân, huy chương. Việc Luật sư đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo cũng không chính xác bởi điều luật này qui định: *“Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”*, đối chiếu nhân thân Hoàng A không đủ điều kiện để áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng A như quan điểm bào chữa của Luật sư.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Hoàng A và Trần Minh T.

[4] Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo PH1 chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13 tháng 10 năm 2021.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2021.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Hoàng A và Trần Minh T mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBKT huyện ủy B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành